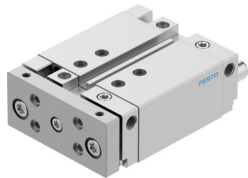


**Xy lanh dẫn hướng**  
**DFM-25-40-B-PPV-A-KF**  
Số bộ phận: 609350

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 40 mm                                                         |
| Ø pít tổng                                            | 25 mm                                                         |
| Chế độ hoạt động của bộ truyền động                   | Ách                                                           |
| Đệm                                                   | Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được                      |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Dẫn hướng                                             | Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn                                 |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Dẫn hướng                                                     |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                      | 0.15 MPA...1 MPA                                              |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 0 - không ứng suất ăn mòn                                     |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Loại phòng sạch                                       | Loại 7 theo ISO 14644-1                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -5 °C...60 °C                                                 |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.3 J                                                         |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 247 N                                                         |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 295 N                                                         |
| kết nối thay thế                                      | xem bản vẽ sản phẩm                                           |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/8                                                          |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu của phốt                                     | NBR                                                           |
| Vật liệu vỏ                                           | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép không gỉ hợp kim cao                                     |